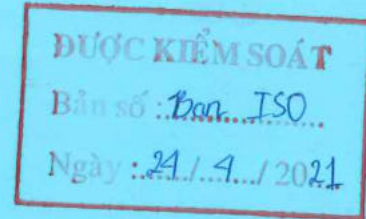




**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9**  
**MECHANICAL WORKS AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY NO.9**  
06 - 08 Thạch Thị Thanh - Phường Tân Định - Quận 01 - Thành phố Hồ Chí Minh - ĐT: 08 - 38208558 - 38230 629  
Fax: 84 - 08 - 38208559 - Email: info@coma9.vn - Website: www.coma9.vn

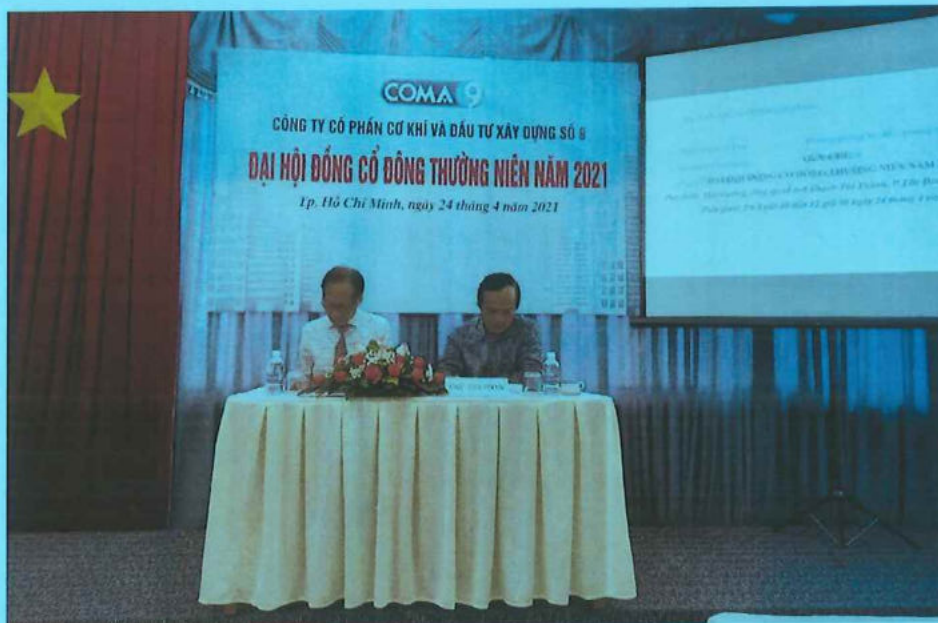


# ĐIỀU LỆ

## TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

### CÔNG TY CP CƠ KHÍ VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9

(Sửa đổi, bổ sung năm 2021)



**Ngày 24 tháng 4 năm 2021**





**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9**  
**MECHANICAL WORKS AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY NO.9**  
06 - 08 Thạch Thị Thanh - Phường Tân Định - Quận 01 - Thành phố Hồ Chí Minh - ĐT : 08 - 38208558 - 38230 629  
Fax : 84 - 08 - 38208559 - Email : info@coma9.vn - Website : www.coma9.vn

# **ĐIỀU LỆ**

## **TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

### **CÔNG TY CP CƠ KHÍ VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9** **(Sửa đổi, bổ sung năm 2021)**



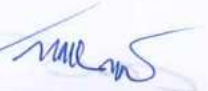
**Ngày 24 tháng 4 năm 2021**





# MỤC LỤC

SỐ TT	CHƯƠNG	NỘI DUNG	TRANG
1	Chương I	Những quy định chung	1 - 4
2	Chương II	Quyền và nghĩa vụ của công ty	4 - 5
3	Chương III	Vốn – Cổ phần – Cổ phiếu – Cổ đông	5 - 9
4	Chương IV	Họp Đại hội đồng cổ đông	9 - 16
5	Chương V	Quản lý và nghĩa vụ quản lý công ty	16 - 26
6	Chương VI	Quản lý, sử dụng con dấu và chế độ lưu giữ tài liệu của công ty	26 - 27
7	Chương VII	Chế độ tài chính kế toán và phân phối lợi nhuận	27 - 28
8	Chương VIII	Khiếu nại và nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ	29 - 29
9	Chương IX	Giải thể, thanh lý và phá sản	29 - 30
10	Chương X	Khen thưởng và xử lý vi phạm	30 - 30
11	Chương XI	Điều khoản thi hành	30 - 30



cab

cap

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9**  
(Sửa đổi, bổ sung năm 2021)

**PHẦN MỞ ĐẦU**

Điều lệ này quy định về tổ chức và hoạt động của Công ty CP Cơ khí và Đầu tư Xây dựng số 9, được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24/4/2021

**CHƯƠNG I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Tên gọi, biểu tượng**

**1. Tên công ty:**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9**

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **MECHANICAL WORKS AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY N<sup>o</sup> 9**

Tên công ty viết tắt: **COMA 9**

**2. Biểu tượng (logo)**



**3. Loại hình doanh nghiệp:** Công ty CP Cơ khí và Đầu tư Xây dựng số 9 (COMA9) được thành lập dưới hình thức cổ phần hóa công ty nhà nước theo Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần. Công ty được tổ chức và hoạt động theo các quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

**Điều 2. Địa chỉ trụ sở chính**

6-8 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028)38208558 – (028)38230629 - (028)38222344 - Fax: (028)38208559

**Điều 3. Hình thức, tư cách pháp nhân, người đại diện theo pháp luật**

1. Công ty CP Cơ khí và Đầu tư Xây dựng số 9 tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc. Công ty có tư cách pháp nhân và con dấu; có tài khoản tại ngân hàng thương mại, hạch toán kinh tế độc lập. COMA 9 hoạt động theo Điều lệ và theo pháp luật.

2. Công ty CP Cơ khí và Đầu tư Xây dựng số 9 hoạt động theo Luật doanh nghiệp và các luật khác có liên quan, tự chịu trách nhiệm về tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh, cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và với khách hàng theo hợp đồng.

3. Người đại diện theo pháp luật của công ty là cá nhân đại diện cho công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách người yêu



cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Công ty CP Cơ khí và Đầu tư Xây dựng số 9 chỉ có 01 người đại diện theo pháp luật, đó là Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty. Một số quy định có liên quan:

a. Ủy quyền, cử người đại diện theo pháp luật: Người đại diện theo pháp luật của công ty phải cư trú ở Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

- Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc tại công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật.

- Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc bị chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty.

b. Tòa án, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác có quyền chỉ định người đại diện theo pháp luật tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

c. Người đại diện theo pháp luật của công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.

d. Đối với hợp đồng, giao dịch giữa công ty và người có liên quan phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận quy định tại Điều 167 Luật doanh nghiệp, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch.

đ. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

e. Nhân danh công ty ký kết các hợp đồng, giao dịch theo quy định của pháp luật; riêng đối với những hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị quyết định, thông qua hay chấp thuận (điểm d khoản 2 Điều 138, điểm h khoản 2 Điều 153, Điều 167 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan) thì người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch chỉ được ký kết hợp đồng, giao dịch sau khi được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị quyết định, thông qua hay chấp thuận theo đúng quy định của pháp luật.

g. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

#### **Điều 4. Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất, mua bán máy móc, thiết bị, công cụ, phụ tùng, phụ kiện và các sản phẩm cơ khí phục vụ ngành xây dựng, ngành công nghiệp (không rèn, đúc, cán, kéo, kim loại, dập, cắt, gò, hàn, sơn tại trụ sở).



7. Tổng giám đốc điều hành công việc hằng ngày của công ty. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm người trong Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác.

**Điều 7. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong doanh nghiệp**

a. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong công ty hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và điều lệ của tổ chức.

b. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn cho việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong công ty; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này.

## **CHƯƠNG II**

### **QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY**

**Điều 8. Quyền của công ty**

1. Tự do kinh doanh ngành, nghề mà luật không cấm.
2. Tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh.
3. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.
4. Tự do tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.
5. Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.
6. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo quy định của pháp luật về lao động.
7. Chủ động ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh; được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.
8. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp.
9. Từ chối yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân về cung cấp nguồn lực không theo quy định của pháp luật.
10. Khiếu nại, tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.
11. Quyền khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 9. Nghĩa vụ của công ty**

1. Đáp ứng đủ điều kiện đầu tư kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.
2. Thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, báo cáo và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.
3. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo; trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.
4. Tổ chức công tác kế toán, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.



- Môi giới thương mại.
- Tư vấn đầu tư.
- Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô.
- Vận tải hàng hoá bằng xà lan.
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở).
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình, thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp, thiết kế nội - ngoại thất công trình, thiết kế cấp thoát nước khu đô thị. Lập dự án đầu tư. Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp.
- Dịch vụ tư vấn về khoa học kỹ thuật: công nghệ, thiết bị, kinh tế kỹ thuật các dự án đầu tư xây dựng.
- Thi công xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, bưu điện, thủy lợi, bến cảng, công trình kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị, các công trình đường dây điện, trạm biến áp điện.
- Kinh doanh nhà ở, hạ tầng kỹ thuật đô thị.
- Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển.
- Lắp đặt hệ thống điện, trạm biến áp điện ở tất cả công trình nhà ở dân dụng.
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng, bưu điện.
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá.
- Sản xuất các cấu kiện kim loại (không hoạt động tại trụ sở).
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng (không hoạt động tại trụ sở).
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không hoạt động tại trụ sở).
- Hoàn thiện công trình xây dựng.

#### **Điều 5. Thời gian hoạt động**

1. Thời gian hoạt động của công ty là 50 năm.
2. Việc chấm dứt hoạt động trước thời hạn hoặc gia hạn thời gian hoạt động của công ty sẽ tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

#### **Điều 6. Nguyên tắc tổ chức hoạt động của công ty**

1. Công ty cổ phần hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng dân chủ và theo pháp luật.
2. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty; số lượng cổ đông tối thiểu là 03 và không hạn chế số lượng tối đa. Các cổ đông của công ty cùng góp vốn, cùng hưởng cổ tức và cùng chịu rủi ro tương ứng với phần vốn góp.
3. Công ty không chịu trách nhiệm đối với những cổ đông của công ty có những khoản nợ và nghĩa vụ khác không liên quan đến công ty.
4. Cơ quan quyết định cao nhất của công ty là Đại hội đồng cổ đông.
5. Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị để lãnh đạo công ty giữa hai nhiệm kỳ đại hội.
6. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.



5. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật; không phân biệt đối xử, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong doanh nghiệp; không ngược đãi lao động, cưỡng bức lao động hoặc sử dụng lao động chưa thành niên trái pháp luật; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề; thực hiện các chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.

6. Tuân thủ các quy định của Nhà nước về quốc phòng, an ninh, văn hóa, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên môi trường.

7. Chịu sự giám sát, kiểm tra của các cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

8. Chịu trách nhiệm trước người đầu tư vốn về việc sử dụng vốn để đầu tư thành lập doanh nghiệp khác.

9. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

### CHƯƠNG III

### VỐN – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU – CỔ ĐÔNG

#### Điều 10. Vốn

##### 1. Vốn điều lệ

a. Vốn điều lệ của công ty là 45.000.000.000 đồng:

- Vốn Nhà nước là 9.000.000.000 đồng, chiếm 20% vốn điều lệ.

- Vốn của các cổ đông trong và ngoài công ty (không thuộc Nhà nước) là **36.000.000.000 đồng**, chiếm 80% vốn điều lệ.

b. Người trực tiếp quản lý phần vốn Nhà nước tại công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và quy chế hoạt động của người đại diện theo ủy quyền phần vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

c. Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho các hoạt động như:

- Mua sắm tài sản cố định, máy móc trang thiết bị mở rộng qui mô cho hoạt động của công ty, cung cấp vốn lưu động cho sản xuất kinh doanh; góp vốn liên doanh, liên kết với các đơn vị kinh tế khác, mua cổ phần, trái phiếu của đơn vị khác.

- Kinh doanh các ngành nghề pháp luật không cấm. Chuẩn bị đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

d. Không dùng vốn điều lệ để chia cổ tức hoặc phân tán tài sản của công ty cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp Đại hội cổ đông bất thường quyết định sửa điều lệ của công ty thu hẹp quy mô sản xuất).

đ. Vốn điều lệ của công ty tăng hoặc giảm trong từng thời kỳ do Đại hội đồng cổ đông của công ty quyết định.

##### 2. Các loại vốn khác

a. Căn cứ vào yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của từng thời kỳ nếu được Đại hội đồng cổ đông quyết định, công ty sẽ tăng thêm vốn bằng các nguồn như: phát hành thêm cổ phiếu, trái phiếu, tích lũy từ lợi nhuận sau thuế thu nhập hàng năm, tiếp nhận đầu tư từ bên ngoài, vay vốn từ các tổ chức tín dụng, cá nhân và tổ chức kinh tế khác.

b. Công ty phải chấp hành và tôn trọng các giới hạn khống chế về huy động vốn dự trữ tối thiểu bắt buộc và các biện pháp bảo đảm an toàn về vốn.



## **Điều 11. Cổ phần**

1. Vốn điều lệ của công ty được chia làm nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần, giá trị mỗi cổ phần là **10.000 đồng** (mười nghìn đồng), mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

2. Cổ phần có hai loại:

- a. Cổ phần ưu đãi. Công ty hiện nay không có cổ phần ưu đãi.
- b. Cổ phần phổ thông.

3. Tài sản góp vốn là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam. Tài sản góp vốn không phải là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng phải được định giá theo quy định tại Điều 36 Luật doanh nghiệp.

Chỉ cá nhân, tổ chức là chủ sở hữu hợp pháp hoặc có quyền sử dụng hợp pháp đối với tài sản mới có quyền sử dụng tài sản đó để góp vốn theo quy định của pháp luật.

4. Chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn thực hiện theo quy định tại Điều 35 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc quản lý và sử dụng số tiền thu từ bán cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật.

6. Cơ cấu cổ phần lần đầu được xây dựng theo Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ.

## **Điều 12. Cổ phiếu**

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty cổ phần.

2. Cổ phiếu của công ty được phát hành theo mẫu thống nhất của Bộ tài chính nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, gồm hai loại cổ phiếu: Cổ phiếu ghi danh và cổ phiếu không ghi danh. Cổ phiếu ghi danh là cổ phiếu thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ công nhân viên được mua ưu đãi trả dần; còn lại là cổ phiếu không ghi danh. Cổ phiếu ưu đãi của CBNV có thể không ghi danh.

3. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.

4. Cổ phiếu phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của công ty. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 121 Luật doanh nghiệp.

5. Các cổ đông sau khi đã nộp tiền mua cổ phần được đăng ký tên vào sổ đăng ký cổ đông của công ty và được nhận được một hoặc nhiều cổ phiếu tương ứng với số cổ phần của mình đã mua. Sổ đăng ký cổ đông có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Điều 122 Luật doanh nghiệp.

6. Trong các lần phát hành cổ phiếu tiếp theo, giá bán cổ phiếu không phụ thuộc vào mệnh giá ghi trên cổ phiếu của công ty, có thể cao hơn mệnh giá ghi trên cổ phiếu. Phần chênh lệch này được hạch toán vào quỹ dự trữ để bổ sung vào vốn điều lệ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

## **Điều 13. Chào bán, mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông**

1. Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ. Chào bán cổ phần thực hiện theo Điều 123, Điều 124, Điều 125, Điều 126 Luật doanh nghiệp.



2. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông thực hiện theo Điều 132 Luật doanh nghiệp, mua lại cổ phần theo quyết định của công ty thực hiện theo Điều 133 Luật doanh nghiệp.

**Điều 14. Chuyển nhượng, thừa kế, thế chấp, tặng cho, trả nợ, cầm cố cổ phần**

1. Cổ phần được chuyển nhượng, thừa kế, thế chấp, cầm cố theo quy định của pháp luật. Việc chuyển nhượng cổ phiếu ghi danh được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường và giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký.

Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của công ty. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị được quyền thế chấp, cầm cố cổ phần của mình, của cổ đông khác (theo ủy quyền) cho ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng khác để vay vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty (không cầm cố, thế chấp cổ phiếu của Tổng công ty COMA).

3. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của công ty.

4. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

**Điều 15. Cổ đông**

1. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty. Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.

2. Số lượng cổ đông tối thiểu là 3 (ba) và không hạn chế số lượng tối đa.

3. Các cổ đông có quyền sở hữu cổ phần theo quy định của pháp luật.

**Điều 16. Quyền của cổ đông phổ thông**

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

c. Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty.

d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 và khoản 1 Điều 127 của Luật doanh nghiệp.

đ. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.

e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

The bottom of the page features several handwritten signatures in blue ink. On the left, there is a small, stylized signature. In the center, there is a larger, more elaborate signature. To the right of this, there are two more signatures, one of which appears to be a name like 'Muller' or similar. There are also some faint, illegible markings and what might be a stamp or official seal on the far left.



g. Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau:

a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty.

b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

4. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 166 Luật Doanh nghiệp.

5. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp và biểu quyết tại cuộc họp; tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do công ty phát hành. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức được quy định tại Điều 14 Luật doanh nghiệp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

6. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

### **Điều 17. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông**

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Đối với cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị còn phải tuân thủ theo Điều 27 của Điều lệ công ty.

2. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của công ty. Chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

3. Có trách nhiệm bảo vệ tài sản, lợi ích của công ty; giữ bí mật về nghề nghiệp hoạt động của công ty, bí quyết về công nghệ sản xuất của công ty; bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác. Nếu cổ đông nào có hành vi gây thiệt hại cho lợi ích



của công ty thì phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại tương ứng với hậu quả mà mình đã gây ra theo quy định tại Điều 18 Điều lệ công ty.

4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

#### **Điều 18. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại**

Trường hợp cổ đông, người quản lý công ty có sai phạm trong quá trình công tác làm tổn hại đến lợi ích hợp pháp hoặc thất thoát tài sản của công ty và nếu công ty có yêu cầu nhưng cổ đông, người quản lý công ty không hoàn trả công ty số tiền hay tài sản (hay quy thành tiền) đã thất thoát thì công ty có thể thực hiện một trong các biện pháp sau:

1. Yêu cầu cổ đông chuyển nhượng phần vốn góp tương đương với số tiền hoặc giá trị tài sản theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hay Hội đồng quản trị.

2. Người đại diện theo pháp luật của công ty; cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền khởi kiện ra tòa án có thẩm quyền để yêu cầu cổ đông, người quản lý công ty bồi thường thiệt hại cho công ty trong các trường hợp được pháp luật quy định.

### **CHƯƠNG IV**

#### **HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

##### **Điều 19. Các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Thông qua định hướng phát triển của công ty.

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần.

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.

d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.

đ. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.

e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm.

g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.

h. Xem xét, xử lý các vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty.

i. Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty.

k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

l. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết.

n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên:

a. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Đại hội cổ đông thường niên do người có thẩm quyền triệu tập (khoản 2 Điều 20 Điều lệ công ty) trong thời hạn thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng



cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

b. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty.
- Báo cáo tài chính hằng năm.
- Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.
- Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.
- Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên.
- Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3. Đại hội đồng cổ đông bất thường: Người có thẩm quyền triệu tập (khoản 2 Điều 20 Điều lệ công ty) họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.
- b. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 115 của Luật doanh nghiệp.
- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
- b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- c. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
- d. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật doanh nghiệp.

## **Điều 20. Triệu tập họp**

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.



Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần chuyển nhượng.

b. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

2. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông:

- **Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn được quy định tại khoản 2 Điều 139, khoản 2 Điều 140 Luật doanh nghiệp. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 140 Luật doanh nghiệp thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

- **Ban kiểm soát:** Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 140 Luật doanh nghiệp thì Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

- **Cổ đông hoặc nhóm cổ đông:** Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

b. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

c. Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

d. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

3. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp.

b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông.

c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp.

d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp.

đ. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.



e. Xác định thời gian và địa điểm họp.

g. Gửi thông báo mời họp và tài liệu họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại Điều 143 Luật doanh nghiệp. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều 143 Luật doanh nghiệp có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

#### **Điều 21. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình và nội dung cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 3 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

c. Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ công ty.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

#### **Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 23 Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Điều lệ công ty. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện như trường hợp mời họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.

b. Mục đích lấy ý kiến.

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua.

đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến.



e. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a. Trường hợp gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết.

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.

đ. Các vấn đề đã được thông qua.

e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 23. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:



- a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty.
- b. Định hướng phát triển công ty.
- c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- đ. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
- e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm.
- g. Tổ chức lại, giải thể công ty.

3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh.
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty.
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
- đ. Tổ chức lại, giải thể công ty.

4. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều này.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

6. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được quy định tại Điều 149 Luật doanh nghiệp.

7. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

8. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp



công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

#### **Điều 24. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
- c. Chương trình và nội dung cuộc họp.
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký.
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
- g. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.
- h. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.
- k. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

1. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

#### **Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 Luật doanh nghiệp.





b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 Luật doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

## CHƯƠNG V

### QUẢN LÝ VÀ NGHĨA VỤ QUẢN LÝ CÔNG TY

#### Điều 26. Cơ cấu tổ chức quản lý của công ty

Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

Người quản lý công ty bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc.

Cơ cấu tổ chức công ty cụ thể như sau:

- Hội đồng quản trị có 5 thành viên.
- Ban Tổng giám đốc có 4 đến 5 thành viên.
- Ban kiểm soát có 3 thành viên.
- Các phòng ban chức năng.
- Các xí nghiệp trực thuộc.

#### Điều 27. Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty.

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.

c. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty.

đ. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong thời hạn mười hai tháng. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần.

e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.

g. Đại diện hợp pháp của các cổ đông để cầm cố, thế chấp tài sản của công ty vay vốn của các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước.

h. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm



quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp.

i. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

k. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, kế toán trưởng, Giám đốc tài chính; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.

l. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty.

m. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.

n. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết.

o. Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông.

p. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

q. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty.

r. Trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 167 Luật doanh nghiệp.

s. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.

4. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số thành viên của Hội đồng quản trị. Trong nhiệm kỳ, Đại hội đồng cổ đông có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. Việc thay thế thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc thừa kế, đảm bảo trong Hội đồng quản trị có ít nhất 1/3 thành viên cũ.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.

Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.



6. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng, được thanh toán các chi phí ăn ở, đi lại và chi phí hợp lý khác theo quy định tại Điều 158 Luật doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

#### **Điều 28. Thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Là cổ đông của công ty có sở hữu cổ phần từ 4,5% vốn điều lệ trở lên. Người được cử đại diện phần vốn nhà nước của Tổng công ty Cơ khí Xây dựng phải là cổ đông sở hữu ít nhất 10% vốn điều lệ của công ty.

b. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp.

c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có kinh nghiệm ít nhất 3 năm quản lý.

d. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có hiểu biết về pháp luật.

đ. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành sản xuất trực tiếp trong công ty.

3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này của Điều lệ công ty.

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.

5. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau:

a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

b. Theo kiến nghị của từ ba phần tư tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên.

6. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài các trường hợp quy định đã nêu.

7. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3.



b. Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

### **Điều 29. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát.
- b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác.
- c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.
- d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.



- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định.
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
- đ. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của công ty.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

10. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

11. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật doanh nghiệp.

Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

12. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của công ty. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó.

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực.

### **Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng giám đốc công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 156 Luật doanh nghiệp.

Ngoài việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật, Chủ tịch Hội đồng quản trị còn có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Tổ chức nghiên cứu chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, dự án đầu tư quy mô lớn, phương án đổi mới tổ chức, nhân sự chủ chốt của công ty để trình Hội đồng quản trị.
- b. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị.
- c. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, văn bản khác của Hội đồng quản trị.
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị; có quyền đình chỉ các quyết định của Tổng giám đốc trái với Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị.



- e. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- g. Tổ chức thực hiện việc công khai các lợi ích liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp.
- h. Các quyền khác theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

3. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị.

**Điều 31. Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, giám đốc tài chính, kế toán trưởng, bộ máy giúp việc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tổng giám đốc có quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo nhiệm vụ được phân công hay ký kết hợp đồng theo ủy quyền.

2. Phó tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm người trong Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác. Phó tổng giám đốc điều hành công ty theo phân công, ủy quyền của Tổng giám đốc và ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Phó tổng giám đốc có quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo nhiệm vụ được phân công hay ký kết hợp đồng theo ủy quyền.

3. Giám đốc tài chính do Hội đồng quản trị bổ nhiệm người trong Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc tài chính do quy chế công ty quy định.

4. Kế toán trưởng do người đại diện theo pháp luật của công ty bổ nhiệm và chịu sự lãnh đạo của người đại diện theo pháp luật của công ty. Kế toán trưởng là người đứng đầu bộ máy kế toán của công ty, có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán của công ty, giúp người đại diện theo pháp luật của công ty giám sát tài chính công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền. Kế toán trưởng phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện và có các quyền, trách nhiệm theo quy định pháp luật về kế toán.

5. Các phòng ban chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành công việc.

6. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc:





- a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp.
- b. Có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý công ty, có trình độ đại học, có chuyên môn thuộc lĩnh vực kinh doanh chính của công ty, có ít nhất 3 năm kinh nghiệm tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính của công ty.
- c. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật.
7. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
- c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty.
- d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty.
- đ. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- e. Xây dựng kế hoạch hàng năm của công ty, dự án đầu tư, phương án liên doanh, đề án tổ chức quản lý, quy chế quản lý nội bộ của công ty, kế hoạch đào tạo lao động, phương án phối hợp giữa các công ty thành viên (nếu có) hoặc với các công ty khác trình Hội đồng quản trị.
- g. Xây dựng các định mức kinh tế – kỹ thuật, tiêu chuẩn sản phẩm, đơn giá tiền lương phù hợp với các quy định của Nhà nước trình Hội đồng quản trị phê duyệt, kiểm tra các đơn vị thuộc công ty thực hiện các định mức, tiêu chuẩn, đơn giá quy định trong nội bộ công ty.
- h. Trình Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, mức lương của Phó tổng giám đốc, giám đốc tài chính.
- i. Ký kết các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác theo sự ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- k. Tuyển dụng lao động.
- l. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm Tổng giám đốc.
- m. Báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.
- n. Được áp dụng các biện pháp cần thiết trong trường hợp khẩn cấp và phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và các cơ quan có thẩm quyền.
- o. Được hưởng chế độ lương theo năm. Mức tiền lương và tiền thưởng tương ứng với hiệu quả kinh doanh của công ty do Hội đồng quản trị quyết định hoặc theo hợp đồng đã ký.
- p. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.
- q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.



### **Điều 32. Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát do Đại hội cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
3. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.
  - a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.
  - b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
  - c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
  - d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
  - đ. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp.
  - e. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
  - g. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
  - h. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
  - i. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.
  - k. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
  - l. Giám sát việc thanh lý tài sản; việc đưa vốn của công ty vào các liên doanh, liên kết và kết quả thu được từ hoạt động này.
  - m. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.





n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4. Trách nhiệm của Kiểm soát viên.

a. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

b. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.

c. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

đ. Trường hợp vi phạm quy định tại các mục a, b, c, d khoản 4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho công ty.

g. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

5. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên:

Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp.

b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác.

d. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.

đ. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm kết, có ý thức chấp hành pháp luật.

e. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

6. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định tại Điều 172 Luật doanh nghiệp.

7. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau đây:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.

8. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau đây:



- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
- c. Vi phạm nghiêm trọng, vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- d. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 33. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm: thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo; Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.

2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

### **Điều 34. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a. Tổ chức triển khai thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

b. Chuẩn bị chương trình họp của Ban kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên Ban kiểm soát liên quan đến quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.

c. Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.

d. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại khoản 3 Điều 140 của Luật doanh nghiệp và chuẩn bị các công việc theo quy định khoản 5 Điều 140 của Luật doanh nghiệp hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường.

đ. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết;

e. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

g. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát.

h. Bảo đảm các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.

i. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.





k. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.

1. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của tại Điều lệ công ty.

### **Điều 35. Trách nhiệm của người quản lý công ty**

Người đại diện theo pháp luật, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

1. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.

3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật doanh nghiệp.

5. Người đại diện theo pháp luật, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm các quy định trên thì sẽ chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho công ty và bên thứ ba.

6. Khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, thì:

a. Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên của công ty, kể cả cho người quản lý.

b. Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a khoản này.

c. Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của công ty.

7. Trách nhiệm khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

## **CHƯƠNG VI**

### **QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CON DẤU VÀ CHẾ ĐỘ LƯU GIỮ TÀI LIỆU CỦA CÔNG TY**

#### **Điều 36. Con dấu**

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị công ty quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của công ty theo đúng quy định tại Điều 43 Luật doanh nghiệp và Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 Quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

3. Việc quản lý và lưu giữ dấu thực hiện theo quy định của Điều lệ công ty hoặc quy chế do công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc đơn vị khác của công ty có dấu ban hành. Công ty sử dụng dấu trong các giao dịch theo quy định của pháp luật.



**Điều 37.** Mọi văn bản giấy tờ có dấu của công ty nhưng không có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc người được ủy quyền hợp pháp đều không có giá trị trước pháp luật.

**Điều 38. Chế độ lưu giữ tài liệu của công ty**

1. Công ty cổ phần phải lưu giữ các tài liệu sau đây:
  - a. Điều lệ công ty; quy chế quản lý nội bộ của công ty; sổ đăng ký cổ đông.
  - b. Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các giấy phép và giấy chứng nhận khác.
  - c. Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của công ty.
  - d. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định của doanh nghiệp.
  - e. Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán.
  - f. Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán;
  - g. Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm.
2. Công ty phải lưu giữ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở chính hoặc địa điểm khác theo quyết định của Hội đồng quản trị; thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

**CHƯƠNG VII**

**CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

**Điều 39. Chế độ kế toán kiểm toán**

1. Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào 31 tháng 12 năm dương lịch.
2. Công ty thực hiện hạch toán kế toán theo luật kế toán và hệ thống kế toán doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành.
3. Sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của công ty phải phản ánh đầy đủ trung thực.
4. Cuối mỗi năm tài chính, Hội đồng quản trị xem xét thông qua quyết toán để trình Đại hội đồng cổ đông.
  - a. Bảng cân đối kế toán.
  - b. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
  - c. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
  - d. Thuyết minh báo cáo tài chính.
  - e. Báo cáo tổng kiểm kê tài sản cuối năm.
5. Các báo cáo tài chính của công ty phải được kiểm soát theo quy định của pháp luật trước khi gửi đến cơ quan chức năng Nhà nước và công khai.
6. Việc lưu giữ tài liệu, sổ sách kế toán theo quy định của pháp luật.

**Điều 40. Phân phối lợi nhuận và thành lập quỹ**

1. Theo quy định về chế độ tài chính do Nhà nước ban hành lợi nhuận của công ty được tính như sau:
  - a. Lợi nhuận trước thuế = Tổng doanh thu – Tổng chi phí

The bottom of the page features several handwritten signatures in blue ink. On the left, there is a signature that appears to be 'Cao'. In the center, there is a larger, more stylized signature. To the right of this, there is another signature, and further right, a signature that looks like 'Minh'. There are also some faint, illegible markings and what might be a stamp or another signature on the far right.



b. Lợi nhuận sau thuế = Lợi nhuận trước thuế – Thuế TNDN

2. Trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông phải trích lập các quỹ.

a. Quỹ đầu tư phát triển.

b. Quỹ khen thưởng, phúc lợi.

Tùy thuộc kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm, tỉ lệ trích các quỹ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ trình Đại hội đồng cổ đông quyết định hằng năm.

#### **Điều 41. Trả cổ tức**

Cổ tức là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của công ty cổ phần sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.

1. Việc chi trả cổ tức cho cổ đông hàng năm được thực hiện sau khi đã được thông qua Đại hội cổ đông thường niên quyết định mức chi trả.

2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

a. Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

b. Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

c. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.

4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải bao gồm các nội dung được quy định tại khoản 4 Điều 135 Luật doanh nghiệp.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.

6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các Điều 124, 124 và 125 của Luật doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

#### **Điều 42. Các biện pháp xử lý trong trường hợp kinh doanh thua lỗ**

Trong trường hợp công ty kinh doanh thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể giải quyết bằng các biện pháp sau:

1. Trích từ quỹ đầu tư phát triển để bù lỗ.

2. Giảm vốn điều lệ.



## CHƯƠNG VIII

### KHIẾU NẠI VÀ NGUYÊN TẮC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

#### Điều 43. Khiếu nại

Cổ đông, người lao động có quyền khiếu nại để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình. Việc khiếu nại thực hiện theo quy định của pháp luật.

#### Điều 44. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp

Hội đồng quản trị là người đại diện cho công ty có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết các tranh chấp trong nội bộ công ty dựa trên nguyên tắc hòa giải. Trong trường hợp giải quyết không thành thì bên không đồng ý có quyền yêu cầu Tòa án hoặc trọng tài giải quyết theo quy định của pháp luật.

Việc yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 151 Luật doanh nghiệp; quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc thực hiện theo quy định tại Điều 166 Luật doanh nghiệp.

## CHƯƠNG IX

### GIẢI THỂ, THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN

#### Điều 45. Giải thể

1. Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:
  - a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong điều lệ mà không có quyết định gia hạn.
  - b. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
  - c. Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.
  - d. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Điều 207 Luật doanh nghiệp) trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.
2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài. Người quản lý có liên quan và công ty quy định tại điểm d khoản 1 Điều này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty.
3. Trình tự, thủ tục giải thể được quy định tại Điều 208, Điều 209 Luật doanh nghiệp. Hồ sơ giải thể công ty được quy định tại Điều 210 Luật doanh nghiệp.
4. Các hoạt động bị cấm kể từ khi có quyết định giải thể: Kể từ khi có quyết định giải thể công ty, công ty, người quản lý công ty bị nghiêm cấm thực hiện các hoạt động sau đây:
  - a. Cất giấu, tẩu tán tài sản.
  - b. Từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ.
  - c. Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của công ty.
  - d. Ký kết hợp đồng mới trừ trường hợp để thực hiện giải thể công ty.
  - đ. Cầm cố, thế chấp, tặng cho, cho thuê tài sản.
  - e. Chấm dứt thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực.
  - f. Huy động vốn dưới mọi hình thức khác.





#### **Điều 46. Tổ chức thanh lý tài sản và thanh toán nợ**

1. Khi công ty có quyết định giải thể, Hội đồng quản trị trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản doanh nghiệp.

2. Các khoản nợ của doanh nghiệp được thanh toán theo thứ tự sau đây:

a. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết.

b. Nợ thuế.

c. Các khoản nợ khác.

3. Sau khi đã thanh toán chi phí giải thể công ty và các khoản nợ, phần còn lại chia cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.

#### **Điều 47. Phá sản**

Việc phá sản công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

### **CHƯƠNG X**

#### **KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 48. Khen thưởng**

Người có thành tích xuất sắc, đóng góp lớn vào việc xây dựng, bảo vệ và phát triển công ty thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật và quy chế quản lý công ty.

#### **Điều 49. Xử lý vi phạm**

Hình thức xử lý vi phạm thực hiện theo quy định của pháp luật và quy chế quản lý công ty.

### **CHƯƠNG XI**

#### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 50. Nguyên tắc áp dụng Điều lệ công ty**

1. Những vấn đề khác có liên quan không nêu trong Điều lệ này thì được thực hiện theo Luật doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan.

2. Trường hợp pháp luật (khi có thay đổi pháp luật) có quy định khác với nội dung trong Điều lệ này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật.

#### **Điều 51. Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty**

Những thay đổi, bổ sung Điều lệ công ty phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Công ty phải đăng ký thay đổi với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật doanh nghiệp.

#### **Điều 52. Hiệu lực thi hành**

Điều lệ này có 11 chương và 52 điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Cơ khí và Đầu tư Xây dựng số 9 năm 2021 thông qua.

Người quản lý công ty, Kiểm soát viên, cổ đông, người lao động trong công ty có nghĩa vụ thi hành Điều lệ này.

\*\*\*



**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KÝ TÊN**



**Nguyễn Tư Nguyên**



**Đỗ Phước Lộc**



**Nguyễn Thu Uyên**



**Nguyễn Văn Vinh**



**Nguyễn Tư Thi**







